TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1070/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng Dân – *Kiểm sát viên*.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 525/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 684/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Minh U – sinh năm 1983 (Có mặt)
Thường trú: Lô D chung cư S, phường S, quận P. Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc: đường N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lê Quốc V – sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Lô D chung cư S, phường S, quận P. Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ngU đơn bà Võ Thị Minh U trình bày:

Bà và ông Lê Quốc V tự nguyện đến với nhau, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh A, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 29/01/2008. Sau

khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, cãi vã. Ông V có biểu hiện thiếu chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù hai bên nhiều lần đã cố gắng hòa giải, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên sống ly thân. Thời gian ly thân bà chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông V vẫn ở tại nhà riêng. Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quốc V.

Về quan hệ con chung: Bà U khai có 02 con chung là trẻ Lê Khoa N sinh ngày 25/7/2011 và trẻ Lê Phúc Q sinh ngày 21/9/2013. Bà U yêu cầu được nuôi hai con. Bà yêu cầu ông V đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Thời gian bà và ông V không sống chung nhà, hàng tháng ông V vẫn chuyển vào tài khoản của bà với số tiền 20.000.000đồng, để nuôi các con. Bà yêu cầu ông V đóng góp cấp dưỡng nuôi con 20.000.000đồng/tháng/02 trẻ (Tức mỗi trẻ 10.000.000đồng/tháng). Thực hiện từ tháng 9/2022 cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Bà U xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà U khai không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Quốc V nhưng ông V vẫn vắng mặt. Ông V không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn bà Võ Thị Minh U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quốc V. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà U, ông V chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bà U thừa nhận bà và ông V không sống chung nhà nên thiếu sự quan tâm, chia sẽ và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông V không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông V không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà U là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà U yêu cầu được nuôi hai con chung là trẻ Lê Khoa N, sinh ngày 25/7/2011 và trẻ Lê Phúc Q, sinh ngày 21/9/2013. Bà U xác nhận hiện các con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với lời khai của trẻ N và trẻ Q có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ. Căn cứ Điều 81 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U

Xét, bà U yêu cầu ông V đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 20.000.000đồng/tháng/02 trẻ. Các tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa ông Lê Quốc V ký với Ngân hàng S và bảng sao kê số tiền ông V chuyển khoản hàng tháng có xác nhận của ngân hàng TMCP Việt Nam - Chi nhánh T - Phòng giao dịch M do bà U cung cấp, thể hiện ông V có chuyển số tiền trên cho bà U theo từng tháng. Điều này chứng minh ông V có công việc ổn định và có thu nhập. Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U.

Về tài sản chung : Bà U xin tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà U khai không có nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Minh U, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do ông V hiện đang cư ngụ tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quốc V nhưng ông V vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn ông Lê Quốc V không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ. Ông V đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà U để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh A cấp ngày 29/01/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Minh U và ông Lê Quốc V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà U nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với

nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà U và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án , được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà U, ông V chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Bà U và ông V hiện không sống chung nhà nên vợ chồng không trao đổi, quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà U, ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông V không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông V chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Bà U, ông V không còn quan tâm, chia sẽ gì với nhau nên hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà U là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là trẻ Lê Khoa N sinh ngày 25/7/2011 và trẻ Lê Phúc Q sinh ngày 21/9/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông V không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông đối với các con chung. Tuy nhiên, việc xem xét giao các con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con, để các trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ N, trẻ Q hiện đang sinh sống cùng bà U và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của các trẻ, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà U là có cơ sở để chấp nhận.

Xét, bà U yêu cầu ông V đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 20.000.000đồng/tháng/02 trẻ. Thực hiện từ tháng 9/2022 cho đến khi các con lần lượt trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông V không đến tòa để trình bày ý kiến nên căn cứ vào chứng cứ, tài liệu do bà U cung cấp để xem xét giải quyết. Bản Hợp đồng lao động giữa ông V ký với Ngân hàng S ; Bản sao kê tài khoản về số tiền hàng tháng ông V chuyển trực tiếp qua tài khoản của bà U và có xác nhận của Ngân hàng TMCP Việt Nam - Chi nhánh T - Phòng giao dịch M. Bà U thừa nhận, hàng tháng ông V chuyển số tiền là 20.000.000đồng cho bà để chăm lo chi phí sinh hoạt, học tập của các con. Điều này chứng minh ông V có việc làm và có thu nhập ổn định. Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu của bà U là có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà U xin tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà U khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông V có chứng cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà U chịu nhưng được trừ vào số tiền bà U đã tạm nộp án phí .

Ông V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Võ Thị Minh U.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Minh U được ly hôn với ông Lê Quốc V. Quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh A cấp ngày 29/01/2008 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao các con chung trẻ Lê Khoa N sinh ngày 25/7/2011và trẻ Lê Phúc Q sinh ngày 21/9/2013 cho bà Võ Thị Minh U trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Lê Quốc V đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 20.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 10.000.000đồng/tháng/01 trẻ). Thi hành từ tháng 9/2022 cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Bà U cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Trong trường hợp bà U không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông V hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà U có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông V chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung : Bà U xin tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà U khai không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Võ Thị Minh U chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà U đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0035088 ngày 02/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Ông Lê Quốc V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân Phú;
-UBND thị trấn Bến Lức,
huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương